

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 1687/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản, đựng trong túi

Mã số mẫu/Sample code : 2.170

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 07/02/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 07/02/2026

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Bột Tôm (QRILL Antarctic Krill Meal) (BN44945)	Asen (As) tổng số (*)	mg/kg (LOQ=0;15)	0,34	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Chì (Pb) (*)	mg/kg (LOQ=0;6)	KPH	HDH-61 (Ref.TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015)
	Cadimi (Cd) (*)	mg/kg (LOQ=0;15)	0,49	HDH-61 (Ref.TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015)
	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/kg (LOQ=0;05)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0;1)	KPH	AOAC 996.13 (Sắc ký lỏng)
	Escherichia coli (*)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 12/02/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of 3K VI.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 1688/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/*Customer name* ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/*Address* ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/*Delivered by* ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân

Mô tả mẫu/*Sample description* ⁽¹⁾ : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản, đựng trong túi

Mã số mẫu/*Sample code* : 2.171

Ngày nhận mẫu/*Receiving date* : 07/02/2026

Ngày phân tích/*Analysing date* : 07/02/2026

Tên mẫu/ <i>Sample name</i> ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ <i>Parameters</i> ⁽¹⁾	ĐVT/ <i>Unit</i>	Kết quả/ <i>Result</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
Bột Tôm (QRILL Antarctic Krill Meal) (BN44946)	Asen (As) tổng số (*)	mg/kg (LOQ=0;15)	0,32	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Chì (Pb) (*)	mg/kg (LOQ=0;6)	KPH	HDH-61 (Ref.TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015)
	Cadimi (Cd) (*)	mg/kg (LOQ=0;15)	0,24	HDH-61 (Ref.TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015)
	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/kg (LOQ=0;05)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0;1)	KPH	AOAC 996.13 (Sắc ký lỏng)
	<i>Escherichia coli</i> (*)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	<i>Salmonella</i> spp. (*)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 12/02/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of 3K VI.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.